

10 SỰ KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI NỔI BẬT NĂM 2022

Đào Ngọc Lâm *

Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh đất nước đã cơ bản kiểm soát được đại dịch Covid-19, là thời cơ để cả nước chung tay hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, phục hồi kinh tế. Với truyền thống vượt qua khó khăn thách thức, Việt Nam đã nỗ lực phấn đấu vừa phòng chống dịch vừa đẩy mạnh sản xuất và đạt kết quả khả quan với nhiều thành tựu được ghi nhận. Nhân dịp này, Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ bình chọn 10 sự kiện nổi bật về kinh tế - xã hội.

1. Tăng trưởng kinh tế đạt mức cao nhất (8%) trong nhiều năm qua

Việt Nam nằm trong số ít nước và vùng lãnh thổ có tốc độ tăng cao nhất khu vực Đông Nam Á, châu Á và trên thế giới. Thời gian tăng liên tục đạt 41 năm, đứng hàng đầu thế giới (chỉ thấp thua kỷ lục thế giới 44 năm hiện do Trung Quốc nắm giữ), tăng trưởng đạt được ở cả 3 nhóm ngành. Nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục là bộ đỡ của nền kinh tế với tốc độ tăng 2022 cao hơn tốc độ tăng bình quân trong 3 năm trước (ước tăng 3% so với 2,99%). Công nghiệp - xây dựng tăng cao hơn tốc độ chung (ước tăng 9,3%), trong đó tăng trưởng của công nghiệp cao hơn ngành xây dựng (9,5% so với 8,3%); ước cả 4 ngành công nghiệp đều tăng, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo - tiêu chí chủ yếu của nước công nghiệp tăng cao nhất (10%). Nhóm ngành dịch vụ phục hồi nhanh hơn và tăng với tốc

độ cao nhất (9,6%) trong 3 nhóm ngành. Đây là tín hiệu khả quan để năm 2023 thực hiện được mục tiêu kế hoạch tăng trưởng kinh tế 6,5%.

2. Quy mô GDP lần đầu tiên cán mốc 400 tỷ USD, vượt lên đứng thứ 3 Đông Nam Á, chỉ sau Indonesia và Thái Lan

Cùng với đó, GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái năm 2022 ước đạt 4027 USD, vượt lên đứng thứ 5 Đông Nam Á. Đây cũng là tiền đề để quyết tâm thực hiện mục tiêu năm 2023 đạt 4400 USD. Nếu tính bằng USD theo tỷ giá sức mua tương đương, thì GDP bình quân đầu người năm 2022 đạt khoảng 9826 USD và năm 2023 nếu thực hiện được mục tiêu sẽ vượt qua mốc 10 nghìn USD.

3. Lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu, dưới 4%

2022 là năm thứ 9, lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu, phản ánh sự thành công liên tục và trong thời gian dài nhất so với các thời kỳ trước đó. Đây cũng là nét đặc biệt của Việt Nam, khi cuối năm trước và đến giữa năm nay có nhiều chuyên gia dự báo về lạm phát cao nhưng thực tế tăng thấp, diễn biến ngược chiều so với nhiều nước trên thế giới. CPI thấp chưa bằng một nửa tốc độ tăng GDP (nhiều nước cao gấp nhiều lần); thấp hơn mục tiêu (nhiều nước cao gấp nhiều lần định hướng); cao không bao nhiêu so với nhiều năm trước, lạm

* Tổng cục Thống kê

phát năm 2022 chỉ cao hơn một chút so với bình quân 8 năm trước (3,3% so với 2,78%). Trong 12 tháng có quá nửa số tháng tăng thấp, chỉ có gần một nửa tăng cao (tháng 2 có Tết cổ truyền). Trong 11 nhóm hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng, có tới 8 nhóm tăng thấp, 2 nhóm giảm, chỉ có 1 nhóm tăng cao. Trong 8 nhóm tăng thấp có hàng ăn và dịch vụ ăn uống (chiếm tỷ trọng cao nhất, tới 36,12% trong tổng chi tiêu dùng); nhóm tăng cao là vận tải, chủ yếu do giá xăng dầu thế giới tăng cao.

CPI tăng thấp do nhiều yếu tố, quan trọng là tổng cung trong nước (GDP sản xuất) tăng cao; tổng cầu (gồm tích lũy tài sản và tiêu dùng cuối cùng) tuy tăng cao nhưng quy mô thực tế còn yếu; trong khi xuất siêu hàng hóa năm thứ 8 liên tiếp (với mức cao hơn gấp đôi năm trước). Tổng cầu yếu do thu nhập trong 2 năm bị “bào mòn” bởi đại dịch, nay tuy được phục hồi, nhưng người tiêu dùng vẫn còn tâm lý tiết kiệm, thậm chí còn “thắt lưng buộc bụng” để đảm bảo an sinh. Có yếu tố chi phí đẩy do nhập khẩu lạm phát với giá nhập khẩu tăng trên 10%, cao hơn tốc độ tăng của giá sản xuất (tăng 3%), chứng tỏ người sản xuất đã “che chắn” và “gánh đỡ” cho người tiêu dùng, mặc dù chi phí nguyên nhiên, vật liệu tăng cao hơn giá sản xuất (tăng 6% so với tăng 3%). Ngoài ra, còn có yếu tố tài khóa, tiền tệ - vừa là tiềm ẩn, vừa là trực tiếp, vừa là biểu hiện cuối cùng của lạm phát trong năm 2022 có xu hướng thắt chặt. Tốc độ tăng dư nợ tín dụng 2022 cao hơn không bao nhiêu so với 2021 trong khi mục tiêu và thực tế tăng GDP cao gấp đôi, gấp ba năm trước. Đầu tư từ ngân

sách đạt thấp so với dự toán và giảm so với năm trước. Gói hỗ trợ lãi suất tín dụng được thực hiện chậm và nhỏ hơn so với Nghị quyết của Quốc hội.

4. Hiệu quả đầu tư cao hơn nhiều năm trước

Vốn đầu tư là yếu tố vật chất trực tiếp quyết định tốc độ tăng trưởng GDP nhưng hiệu quả đầu tư có tầm quan trọng hàng đầu. Hiệu quả đầu tư biểu hiện bằng hệ số ICOR, tính bằng cách chia mức tăng GDP cho vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Có nghĩa là để tăng 1 đồng GDP phải đầu tư bao nhiêu đồng vốn, theo đó ICOR thấp thì hiệu quả đầu tư cao, ICOR cao thì hiệu quả đầu tư thấp, ICOR tăng thì hiệu quả đầu tư giảm, ICOR giảm thì hiệu quả đầu tư tăng. ICOR những năm từ 2019 trở về trước ở mức trên dưới 6 lần, năm 2020 tăng lên 14,27 lần, năm 2021 tăng lên 15,54 lần, đến năm 2022 giảm xuống còn khoảng 5,92 lần, trở lại với mức trước đại dịch, với lượng vốn đầu tư ít hơn nhưng tăng trưởng GDP cao hơn. Điều này thể hiện chất lượng tăng trưởng cao hơn, trên cơ sở chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chỗ dựa vào lượng vốn đầu tư (bị hạn chế về nguồn) sang dựa vào hiệu quả đầu tư (yếu tố gần như vô hạn).

5. Lao động việc làm và năng suất lao động có diễn biến mới

Thời gian gần đây, số lượng lao động đang làm việc bị giảm tương đối sâu (2020 giảm 1,7%, năm 2021 giảm 8,5%, tính chung 2 năm giảm 10,1%) do tác động của đại dịch Covid-19. Đến năm 2022, nhiều lao động trở lại làm việc bình thường, tính đến cuối năm đạt mức

tăng khoảng 2,5%. Nhờ tốc độ tăng GDP cao hơn tốc độ tăng số lượng lao động (8% so với 2,5%), nên tốc độ tăng năng suất lao động đạt gần 5,4%, góp phần làm GDP tăng cao và là tín hiệu khả quan để thực hiện mục tiêu 2023 tăng 5-6%.

6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (TMBL) tăng 2 chữ số

So với nhiều năm trước đại dịch Covid-19 TMBL năm 2022 đã tăng trưởng rất cao (ở mức 2 chữ số), nếu loại trừ yếu tố giá cũng tăng khá cao (trên dưới 9%). Năm 2022, khi Nhà nước chuyển đổi chiến lược phòng chống đại dịch, tốc độ tăng TMBL đã cao lên cả khi tính theo giá thực tế (20%), cả khi loại trừ yếu tố giá (16%). Tăng cung (tăng tổng GDP) 2022 cao gấp 3 lần 2 năm trước; thu nhập có xu hướng bật tăng trở lại; tâm lý tiết kiệm, “thắt lưng buộc bụng” có sự nới lỏng. Tỷ trọng tiêu dùng thông qua tự cấp tự túc giảm dần, trong khi tỷ trọng tiêu dùng thông qua mua bán trên thị trường tăng.

TMBL phục hồi tăng trưởng, một mặt tạo đầu ra cho sản xuất, góp phần làm cho tăng trưởng GDP cao trở lại (8%); mặt khác, mức sống thực tế, nhất là dịch vụ du lịch, giáo dục, văn hóa, giải trí... được cải thiện một bước, dần trở lại thời bình thường mới.

7. Xuất siêu hàng hóa với tổng kim ngạch vượt 10 tỷ USD

Đây là năm thứ 7 liên tiếp có xuất siêu, mức nhàn xuất siêu cao gấp 2,5 lần năm trước (hơn 10 tỷ USD so với 4,1 tỷ USD). Trong 86 thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu, Việt Nam ở vị thế xuất siêu với 53 thị trường, trong đó có

18 thị trường đạt trên 1 tỷ USD, có 6 thị trường đạt trên 5 tỷ USD (lớn nhất là Mỹ, tiếp đến là Hà Lan, Hồng Kông, Canada, Đức, Anh). Xuất siêu hàng hóa góp phần tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán, ổn định tỷ giá trước sức ép từ sự phá giá đồng nội tệ của nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới.

Xuất siêu do nhiều yếu tố, quan trọng nhất là do xuất khẩu đạt được nhiều sự vượt trội. Thứ nhất là, xuất khẩu đạt quy mô (trên 372 tỷ USD) lớn nhất từ trước đến nay, tăng trên 10,5% so với 2021. Thứ bậc cao lên, trong khu vực tăng từ thứ 5 năm 2015 lên thứ 2 năm 2021; ở châu Á tăng từ thứ 10 lên thứ 9, trên thế giới tăng từ thứ 27 lên 24/107 nước và vùng lãnh thổ có số liệu so sánh. Thứ hai, tỷ lệ xuất khẩu/GDP liên tục tăng cao, ước 2022 đạt trên 95%, thể hiện độ mở lớn của kinh tế Việt Nam. Thứ bậc về xuất khẩu bình quân đầu người cao hơn thứ bậc về GDP bình quân đầu người (thứ 5 so với thứ 6 ở Đông Nam Á, thứ 15 so với thứ 26 ở châu Á, thứ 54 so với 81 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới có số liệu so sánh). Tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa đạt được ở cả 2 khu vực. Khu vực trong nước tăng khá, khu vực có vốn ĐTNN tăng cao hơn (14,7% so với 9,9%). Tăng trưởng đạt được ở 28/45 mặt hàng chủ yếu, trong đó có 9 mặt hàng có mức tăng lớn (trên 1 tỷ USD), có 7 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD (lớn nhất là điện thoại, máy tính, máy móc thiết bị, dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản). Trong 63 tỉnh TP, có 39 địa bàn đạt trên 1 tỷ USD, trong đó có 9 địa bàn đạt trên 10 tỷ USD. Mặt

hàng xuất khẩu của Việt Nam có mặt ở gần 200 nước và vùng lãnh thổ. Trong đó có 33 thị trường đạt trên 1 tỷ USD, đặc biệt có 6 thị trường đạt trên 10 tỷ USD. Một yếu tố quan trọng khác là do cán cân thương mại tích cực, so với xuất khẩu, nhập khẩu vừa có quy mô thấp hơn (361 tỷ USD so với 372 tỷ USD), vừa có tốc độ tăng thấp hơn (10,6% so với 13,5%).

8. Tiền tệ - tín dụng đạt được nhiều kết quả tích cực

Kết quả nổi bật là việc sử dụng linh hoạt công cụ này, góp phần kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng tín dụng cao không đáng kể so với năm trước (khoảng 14% so với 12,17% năm 2020 và 13,6% năm 2021), mặc dù mục tiêu tăng trưởng GDP cao gấp 2-3 lần. Trước sức ép của tình hình tiền tệ, tỷ giá của thế giới, Ngân hàng Nhà nước đã có hàng loạt động thái cần thiết. Theo đó là việc điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu, lãi suất qua đêm, lãi suất tiền gửi một số kỳ hạn, lãi suất cho vay ngắn hạn, lãi suất quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô; tăng biên độ giao dịch tỷ giá VND/USD từ $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$, bơm tiền và hút tiền theo tín hiệu thị trường, kiên trì phương thức tỷ giá trung tâm, duy trì lãi suất gửi ngoại tệ bằng 0%... vừa đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo an ninh tiền tệ.

9. Thu ngân sách vượt dự toán và tăng cao so với năm trước

Tổng thu ngân sách vượt cao so với dự toán (khoảng 14,6%) và tăng cao so với năm trước (trên 17%). Kết quả đạt được ở cả 3 khoản thu chủ yếu (thu nội

địa, thu từ dầu thô, thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu). Thu ngân sách so với dự toán và so với năm trước đều cao hơn các chỉ số tương ứng của tổng chi. Cân đối thu chi ngân sách năm 2022 đạt kết quả hiếm thấy trong nhiều năm và là tiền đề khả quan để vượt dự toán năm 2023 (tổng thu 1.620.744 tỷ đồng, tổng chi 207.624 tỷ đồng, bội chi 45.500 tỷ đồng, bằng 4,42% GDP).

10. Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2022 gấp 21 lần năm 2021.

Tăng trưởng cao đạt được ở tất cả các châu lục, đông nhất là châu Á (2,5 triệu lượt người, cao gấp 17,5 lần); tiếp đến là châu Âu (trên 507 nghìn lượt người, cao gấp 30 lần), châu Mỹ (390 nghìn lượt người, cao gấp 67 lần), châu Úc (trên 153 nghìn lượt người, cao gấp 116 lần), châu Phi (11 nghìn lượt người, cao gấp 7,5 lần). Tăng ở hầu hết các nước và vùng lãnh thổ. Có 10 nước và vùng lãnh thổ có số lượt khách vượt qua mốc 100 nghìn, đông nhất là Hàn Quốc, Mỹ, Campuchia, Nhật Bản, Thái Lan, Australia, Malaysia, Trung Quốc, Đài Loan. Với mức chi tiêu khoảng 103,6 USD/1 lượt khách (tăng 10,9% so với mức 93,4 USD của năm trước), khi xuất khẩu dịch vụ du lịch năm 2022 đạt 3.793 triệu USD, cao gấp 25,5 lần năm 2021, tăng trên 6,6% so với năm 2020, tuy còn thấp xa so với 11.830 triệu USD của năm 2019./.